

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 06/01/2025.

V/v không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên.

2. Bà Võ Thị Mai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - cán bộ Tòa án nhân dân quận G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số: 1504/2024/TLST-HNGĐ, Ngày 26 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 681/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024.

Nguyên đơn: Ông Phạm Quốc H - sinh năm: 1977;

Địa chỉ: 241 Lương Ngọc Q, phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lý Thị Mai L - sinh năm: 1978;

Địa chỉ: 241 Lương Ngọc Q, phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2024, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án nguyên đơn Ông Phạm Quốc H trình bày như sau: Ông Phạm Quốc H và Bà Lý Thị Mai L tự nguyện chung sống từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông H và bà L có 02 người con chung tên là Phạm Quốc H1, sinh ngày: 06/8/2004 và Phạm Quốc H2, sinh ngày: 24/12/2009. Trong thời gian chung sống do mâu thuẫn về cách sống, quan niệm sống, cách thức làm ăn, cách nuôi dạy con, Ông H và bà L nhiều lần cố gắng giải quyết nhưng không được. Nhận

thấy tình cảm giữa Ông H và bà L không còn, Ông H yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà L.

Bà L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã trình bày ý kiến trong giai đoạn chuẩn xét xử như sau:

Bà L xác nhận quan hệ chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và mâu thuẫn giữa hai bên như Ông H đã trình bày là đúng, hiện Ông H có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và Ông H tại Tòa án, nhận thấy tình cảm giữa hai bên không còn, việc hàn gắn đời sống chung là không thể được, nên bà L đồng ý với Ông H xin Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

Nếu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, hai bên cùng yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ giữa hai bên: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Quốc H và bà Lý Thị Mai L.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Phạm Quốc H1, sinh ngày: 06/8/2004 (Đã thành niên) và Phạm Quốc H2, sinh ngày: 24/12/2009. Ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà L do Ông H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông H và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo phát luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS năm 2015.

+ Thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án tranh chấp về quan hệ hôn nhân có bị đơn cư trú tại quận G, TP. Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận G có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo khoản 1, điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Xác định tư cách tố tụng: Đúng quy định theo điều 68 BLTTDS năm 2015.

+ Thu thập chứng cứ: Đúng quy định theo Điều 91, 96, 97, 98 BLTTDS năm 2015.

+ Thủ tục hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Đúng quy định theo điều 205, 208 BLTTDS năm 2015.

+ Việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015.

+ Thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết: Đúng theo quy định tại Điều 177, 179 BLTTDS năm 2015.

+ Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

- Về thẩm quyền tham gia phiên tòa: Tòa án nhân dân quận G tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ theo khoản 2 Điều 21 BLTTDS năm 2015 đây là trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 71, 72, Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin không công nhận quan hệ vợ chồng của Ông H đối với bà L là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bà L cư trú tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận G theo qui định tại khoản 7 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông H, bà L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông H, bà L.

[3] Về nội dung: Ông Phạm Quốc H và Bà Lý Thị Mai L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2003. Nay Ông H xin không công nhận quan hệ vợ chồng, bà L cũng đồng ý giải quyết theo yêu cầu của Ông H, quan hệ pháp luật này được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét Ông H và bà L không đăng ký kết hôn nên quan hệ của ông bà không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Yêu cầu của Ông H cũng được sự chấp nhận của bà L, Hội đồng xét xử thấy cần tuyên xử không công nhận quan hệ giữa Ông Phạm Quốc H và Bà Lý Thị Mai L là quan hệ vợ chồng. Do đó yêu cầu của bà Chi là có căn cứ để được chấp nhận theo Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Ông H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phạm Quốc H2, sinh ngày: 24/12/2009 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng, bà Lý đồng ý với yêu cầu Ông H. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho yêu cầu của Ông H, cụ thể như sau:

[6] Về quan hệ giữa hai bên: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Phạm Quốc H và bà Lý Thị Mai L.

[7] Về con chung: Có 02 con chung: Phạm Quốc H1, sinh ngày: 06/8/2004 (Đã thành niên) và Phạm Quốc H2, sinh ngày: 24/12/2009. Ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà L do Ông H không yêu cầu.

[8] Về tài sản chung: Ông H và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[9] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn Nhân và Gia Đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Phạm Quốc H và bà Lý Thị Mai L.

- Về con chung: Có 02 con chung: Phạm Quốc H1, sinh ngày: 06/8/2004 (Đã thành niên) và Phạm Quốc H2, sinh ngày: 24/12/2009. Ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hào, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà L do Ông H không yêu cầu.

Bà L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở .

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H và bà L không yêu cầu Tòa án nên không xem xét.

- Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, căn trừ vào tiền tạm ứng án phí Ông H đã nộp theo biên lai thu số 0056784 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Ông H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV;
- THADS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Phong